

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ-BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN-BỘ TÀI CHÍNH

Số: 35/2009/TTLT-
BNNPTNT-BKHĐT-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2009

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

**Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa
giai đoạn 2006 - 2010 và định hướng đến năm 2020**

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 26/2008/NĐ-CP ngày 5 tháng 03 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thoả thuận quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 204/2006/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020".

Liên tịch Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020 như sau:

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Thông tư này hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020, ban hành theo Quyết định số 204/2006/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 2. Nguồn vốn bảo đảm thực hiện Chương trình

- Nguồn vốn ngân sách nhà nước; vốn ODA; vốn từ các chương trình hợp tác quốc tế; vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đóng góp của người dân vùng hưởng lợi từ Chương trình.
- Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án do các Bộ, cơ quan Trung ương chủ trì thực hiện, do ngân sách Trung ương bảo đảm. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, dự án do các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo, theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Điều 3. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

Các đơn vị sử dụng kinh phí Chương trình phải đảm bảo đúng mục đích, đúng chế độ, sử dụng tiết kiệm có hiệu quả; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện thanh quyết toán hàng năm và kết thúc dự án theo quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Chế độ quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1. Nguồn kinh phí thực hiện Chương trình theo dự án, nhiệm vụ ưu tiên (đã được Thủ tướng Chính phủ phân công trách nhiệm chủ trì và phối hợp cho các Bộ, ngành ở trung ương và UBND cấp tỉnh tại Quyết định số 204/2006/QĐ-TTg) như sau:

a) Chi từ nguồn vốn đầu tư phát triển:

- Xây dựng, hoàn thiện hệ thống trạm quan trắc tổng hợp liên quan đến phòng, chống sa mạc hóa.
- Trồng rừng chắn cát, cải tạo vùng cát nội đồng và hạn chế hạn hán, chống thoái hoá đất ở các tỉnh Duyên hải miền Trung.
- Trồng rừng phòng hộ bán ngập tại một số hồ thủy điện lớn (hồ Hòa Bình, Trị An, Sơn La ...).
- Sử dụng và khôi phục đất Bazan thoái hoá ở Tây Nguyên (Dự án này có thể huy động thêm từ các nguồn khác).
- Triển khai các mô hình phòng chống sa mạc/hoang mạc hoá đã thí điểm thành công, chú trọng vào 4 vùng ưu tiên: Tây Bắc, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.
- Xây dựng Trung tâm lưu trữ và hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa, trên cơ sở nâng cấp, bổ sung hệ thống hiện có.

b) Chi thường xuyên

- Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp đào tạo:

Nâng cao nhận thức cộng đồng về nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa. Xây dựng bộ tài liệu hướng dẫn dạy nghề cho nông dân sinh kế bền vững trên vùng đất bị sa mạc hoá.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, tập huấn cán bộ (đặc biệt chú ý cán bộ ở cơ sở), phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa.

Đào tạo cán bộ chuyên môn có đủ trình độ, năng lực trong việc khảo nghiệm, đánh giá rủi ro, quản lý rủi ro, phân tích và xác định các nguyên nhân gây sa mạc/hoang mạc hóa.

- Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp nghiên cứu khoa học:

Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ hiện đại, công nghệ truyền thống sử dụng trong bảo vệ và phát triển bền vững tài nguyên rừng, tài nguyên đất, nguồn nước phục vụ nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa.

Nghiên cứu xác định các nguyên nhân từ điều kiện tự nhiên và xã hội gây ra sa mạc/hoang mạc hóa ở Việt Nam, đặc biệt tại 4 vùng ưu tiên; đề xuất các giải pháp cụ thể phòng, chống sa mạc hóa.

Xây dựng các mô hình thí điểm sử dụng các công nghệ phục hồi và tăng độ phì của đất bị hoang hoá do ô nhiễm, thiếu nước..., các mô hình hoạt động cộng đồng liên kết từ sản xuất nông, lâm nghiệp đến thị trường để canh tác hiệu quả, bền vững ở vùng sa mạc hóa, chú trọng vào 4 vùng ưu tiên (Tây Bắc, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long).

Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng thủy văn rừng ở Việt Nam cho mỗi vùng, mỗi hệ thống sông suối ở địa bàn chịu ảnh hưởng nặng bởi hạn hán.

Nghiên cứu chiến lược tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng bị sa mạc/hoang mạc hóa, hài hòa với các vùng lãnh thổ khác của cả nước.

Nghiên cứu cải tạo vùng đất nông nghiệp bị thoái hóa, đất đồi núi trọc, các khu vực chịu tác động nặng của hạn hán và hoang mạc hoá ở 4 vùng ưu tiên.

- Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp kinh tế:

Duy trì hoạt động của Trung tâm lưu trữ và hệ thống cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa.

Điều tra cơ bản, đánh giá thực trạng sa mạc hóa ở Việt Nam và ảnh hưởng của nó đến phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vào 4 vùng ưu tiên: Tây Bắc, Duyên hải miền Trung, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.

Quy hoạch vùng đất nông nghiệp bị thoái hóa, đất đồi núi trọc, các khu vực chịu tác động nặng của hạn hán và hoang mạc hoá ở 4 vùng ưu tiên.

Quy hoạch ba loại rừng, xác định ranh giới trên thực địa và giao đất lâm nghiệp phục vụ nhiệm vụ phòng chống sa mạc hóa.

Xây dựng quy hoạch về quản lý tổng hợp các hệ sinh thái đặc thù tại bốn vùng ưu tiên chống sa mạc hóa.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng tài nguyên nước mặt, nước ngầm ở các vùng sa mạc/hoang mạc hóa.

Chi hoạt động xúc tiến thương mại, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp ở vùng sa mạc/hoang mạc hóa.

Ứng dụng công nghệ tin học trong thu thập, lưu trữ, xử lý thông tin quốc gia phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa.

Tăng cường trao đổi thông tin, thiết lập đối tác song phương và đa phương, xây dựng các tiểu dự án để tăng cường hợp tác với các mạng lưới chuyên đề cho hoạt động ở cấp quốc gia trong quá trình thực hiện công ước chống sa mạc hóa.

- Chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường:

Đánh giá quá trình xói mòn, rửa trôi, nhiễm mặn, nhiễm phèn ở Miền Trung, Tây Nguyên, Đồng bằng sông Cửu Long.

Xây dựng mô hình khảo nghiệm, đánh giá rủi ro, quản lý và giám sát rủi ro của quá trình sử dụng tài nguyên đất, nước và rừng.

Lập, phân cấp hạn hán cho mỗi vùng, mỗi hệ thống sông suối ở địa bàn chịu ảnh hưởng nặng bởi hạn hán.

c) Chi từ nguồn quản lý hành chính và nguồn đầu tư khác thông qua các chương trình, dự án hợp tác quốc tế song phương và đa phương; nguồn vốn từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và ở nước ngoài cho phòng, chống sa mạc/hoang mạc hóa theo quy định của pháp luật:

- Xây dựng, bổ sung, sửa đổi các chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức quản lý trong Luật Bảo vệ và Phát triển rừng, Luật Tài nguyên nước, Luật Đất đai, Luật Bảo vệ môi trường... liên quan đến nhiệm vụ phòng, chống sa mạc hóa.

- Xây dựng chính sách xã hội hóa, đặc biệt là chính sách tín dụng nông thôn, chính sách hưởng lợi của người dân và các tổ chức phục vụ công tác phòng, chống sa mạc hóa làm cơ sở cho các địa phương chủ động hướng dẫn thực thi ở từng địa bàn.

- Xây dựng cơ chế phối kết hợp giữa các Bộ, ngành, giữa trung ương và địa phương và cơ chế quản lý các chương trình, dự án trong Công ước chống sa mạc hóa theo hướng tăng cường phân cấp quản lý cho các ngành, địa phương.